

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2020

V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

2. Ông Đặng Tấn Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985; nơi cư trú: tổ 18, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, riêng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 31/01/2020 bà L, trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2006 có tổ chức đám cưới mà không đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối và dẫn đến yêu thương nhau, cuộc sống chung nhìn chung là không thật sự hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần ly thân nhau, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ lý do kinh tế và bạo lực gia đình, trong quá trình chung sống ông T thường xuyên đánh đập

bà. Vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Văn L, sinh năm 2007, hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 chiếc xe honda Futrue hiện nay do ông T đang quản lý và sử dụng, và nợ tiền của mẹ ruột bà là bà Ngọc 02 chỉ vàng 24 kra và 2.000.000đ. Tuy nhiên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Bà Trần Thị N là mẹ ruột của bà L trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà L và ông T có vay của bà 02 chỉ vàng 24 kra và 2.000.000đ. Tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đã đến tận nhà ông để tiến hành việc lập biên bản niêm yết các văn bản tố tụng và không làm việc được với đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt lần hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Do đó HĐXX nghĩ nên cần phải tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, tuy nhiên do bà L và ông T không đăng ký kết hôn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà L và ông T là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung hiện nay cháu Tuyền và cháu Lợi đang sống với bà L và bà có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Đề nghị HĐXX xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà L và ông T cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, điều này đã được UBND xã K xác nhận theo văn bản xác nhận **số: 01/UBND ngày 31/01/2020. Căn cứ** vào Điều 9, điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà L và ông T là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Hiện nay 02 cháu T và L đang sống với bà L khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy điều này là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Tuyền và Lợi tại bản khai ngày 27/02/2020, cần giao cháu Tuyền và Lợi cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng, HĐXX công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà L biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con bà và những người thân trong gia đình phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai cản trở ông T thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà L xác định có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do cả bà và mẹ ruột là bà Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét. Tuy nhiên khi bản án hôn nhân có hiệu lực pháp luật, nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thùy L với ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà L được tiếp tục nuôi hai con chung Nguyễn Kim T, sinh ngày 31/01/2013, Nguyễn Văn L, sinh năm 2007. Công nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm(được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số **0011745 ngày 05/02/2020**).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/4/2020) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND A (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS A (1);
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng